

DANH MỤC CÁC VẬT DỤNG KHÔNG CẦN KÊ TOA NĂM 2022

do OTC Health Solutions cung cấp



H0148_21_218_C_Accepted_10132021

Cập nhật lần cuối vào tháng 10 năm 2021

Blue Shield of California Promise Cal MediConnect Plan (Chương trình Medicare-Medicaid) đã ký hợp đồng với OTC Health Solutions để cung cấp quyền lợi hưởng vật dụng không cần kê toa (over-the-counter - OTC). Vui lòng luôn giữ tập sách này. Quý vị sẽ cần đến để tra cứu các vật dụng OTC quý vị muốn đặt mua. Tập sách cũng có hướng dẫn về cách đặt hàng trực tuyến hoặc qua điện thoại.

Blue Shield of California Promise Health Plan là chương trình bảo hiểm y tế ký hợp đồng với Medicare và Medi-Cal nhằm cung cấp các quyền lợi của cả hai chương trình cho người ghi danh.

Có những vật dụng hoặc sản phẩm trong danh mục này có thể được bảo hiểm cho quý vị theo Medicare Phần B hoặc Phần D. Khi một vật dụng được bảo hiểm theo Phần B hoặc Phần D, quý vị không sử dụng quyền lợi vật dụng OTC của mình. Sản phẩm được Medicare bảo hiểm và không phải là một phần trong quyền lợi vật dụng OTC của quý vị.

Nếu thứ quý vị đặt đã hết hàng, quý vị có thể được gửi một vật dụng có giá trị tương tự hoặc lớn hơn. Nếu một sản phẩm bị nhà sản xuất thu hồi, sản phẩm đó sẽ bị xóa khỏi danh sách sản phẩm.

Quý vị có thể yêu cầu miễn phí tài liệu này ở các định dạng khác, chẳng hạn như bản in cỡ lớn, chữ nổi braille và/hoặc âm thanh. Gọi cho Ban chăm sóc khách hàng theo số **(855) 905-3825 (TTY: 711)**, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, bảy ngày trong tuần. Cuộc gọi này miễn phí.

Hai cách dễ dàng để đặt hàng

Hãy lựa chọn điều gì hiệu quả nhất cho quý vị:

#1 Trực tuyến

Cách đặt hàng trực tuyến:

1. Đăng nhập trực tuyến vào tài khoản hội viên Blue Shield Promise Health Plan của quý vị tại **blueshieldca.com/promise/CMCOTC**.
2. Trong phần *Tác vụ phổ biến*, hãy chọn *Tiết kiệm cho các vật dụng không cần kê toa*, sau đó nhấp vào *Tiếp tục* trong cửa sổ bật lên. Quý vị sẽ được chuyển hướng đến trang web của OTC Health Solutions.
3. **Tạo tài khoản vật dụng OTC**
 - Nếu đây là lần đầu tiên quý vị đặt hàng trực tuyến, quý vị sẽ cần phải tạo một tài khoản.
 - Chọn *Tạo tài khoản* và làm theo hướng dẫn.
 - Quý vị sẽ cần **số ID hội viên, ngày sinh, mã ZIP, và địa chỉ email**.
 - Lưu ý quan trọng:** Khi nhập số ID Blue Shield Promise của quý vị, vui lòng chỉ nhập các giá trị số. Ví dụ: nếu số ID của quý vị là “ABC1234”, quý vị sẽ chỉ nhập “1234.”
 - Quý vị cũng sẽ cần đặt mật khẩu.
 - Mỗi hội viên tạo tài khoản phải có một địa chỉ email riêng. Nếu hội viên chia sẻ địa chỉ email với người cũng có tài khoản, họ chỉ có thể đăng ký một tài khoản.
 - Nếu quý vị cần trợ giúp tìm số ID của mình, hãy nhấp vào *Nhận trợ giúp để xác định ID hội viên của quý vị*.
 - Hãy nhớ lưu mật khẩu của quý vị. Quý vị sẽ cần mật khẩu và số ID hoặc địa chỉ email của mình để đăng nhập lại.
 - Nếu quý vị quên mật khẩu, hãy nhấp vào *Quên mật khẩu?* để tạo một mật khẩu mới.
4. **Đặt hàng**
 - Sau khi đăng nhập, quý vị sẽ thấy số tiền theo quyền lợi và số dư của mình ở đầu trang.
 - Duyệt tìm qua các sản phẩm và thêm những gì quý vị cần vào giỏ hàng của mình. Khi quý vị cho các vật dụng vào giỏ hàng của mình, chi phí của chúng sẽ được trừ vào số dư của quý vị.
 - Khi quý vị đã sẵn sàng đặt hàng, hãy nhấp vào *Thanh toán*.
 - Trên trang thanh toán, quý vị sẽ thấy địa chỉ giao hàng. Xác nhận rằng địa chỉ chính xác bằng cách chọn tuyên bố miễn trừ trách nhiệm. Sau đó xem xét và đặt hàng của quý vị. Đơn hàng sẽ giao đến trong vòng 14 ngày theo lịch.
 - Khi đơn đặt hàng của quý vị đã được chuyển đi, quý vị sẽ nhận được một email với các thông tin chi tiết theo dõi. Quý vị sẽ nhận được một email khác khi đơn đặt hàng của quý vị đã được giao.
 - Vui lòng xem lại các giới hạn đơn đặt hàng trong phần FAQ để tránh bị thiếu quỹ quyền lợi.

Nhắc nhở: Các đơn đặt hàng trực tuyến phải được đặt trước 8 giờ 59 tối theo giờ Thái Bình Dương vào ngày cuối cùng của quý (31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12) để áp dụng quyền lợi của quý vị cho quý đó.

Chính sách đổi trả

Do tính chất cá nhân của sản phẩm, không cho phép trả lại hoặc đổi sản phẩm. Nếu quý vị nhận được một vật dụng bị lỗi hoặc bị hư, vui lòng gọi cho OTC Health Solutions trong vòng 30 ngày kể từ ngày quý vị đặt mua. Nếu vật dụng của quý vị không có hàng, quý vị có thể được gửi một vật dụng có giá trị tương tự hoặc cao hơn thay vào đó.

#2 – Qua điện thoại

Quý vị có thể đặt hàng bằng cách gọi đến số **(888) 628-2770 (TTY: 711)**. Các đại lý trực tiếp sẵn sàng trợ giúp quý vị từ thứ Hai đến thứ Sáu, từ 9 giờ sáng đến 8 giờ tối theo giờ Thái Bình Dương.

Quý vị cũng có thể đặt hàng 24/7 thông qua hệ thống phản hồi giọng nói tương tác tự động (interactive voice response - IVR) của chúng tôi. Vui lòng xem hướng dẫn bên dưới.

Khi đặt hàng qua điện thoại, vui lòng chuẩn bị sẵn số ID cũng như các vật dụng quý vị muốn đặt.

Cách đặt hàng bằng hệ thống IVR:

1. Gọi cho OTC Health Solutions từ số điện thoại có trong hồ sơ của quý vị với chương trình Blue Shield Promise Cal MediConnect.

Lưu ý: Bằng cách gọi từ số này, hệ thống có thể xác nhận quý vị. Nếu quý vị muốn sử dụng một số khác, hãy cung cấp số khác cho đại lý OTCHS trong giờ làm việc để số đó có thể được thêm vào tài khoản của quý vị.

2. Khi hệ thống tìm thấy tài khoản của quý vị, quý vị sẽ được yêu cầu nhập ngày sinh của mình ở định dạng Tháng dạng hai chữ số Ngày dạng hai chữ số (MMDD).
3. Quá trình xác thực tài khoản sẽ bắt đầu. Hệ thống sẽ xác minh tên và địa chỉ trên tài khoản.
4. Khi quá trình đặt hàng bắt đầu, hãy xác định vật dụng bằng cách nhập phần số của mã vật dụng đó.
 - **Ví dụ:** Nếu quý vị muốn đặt mua vật dụng “C34 Dầu bôi ẩm ngực có thuốc”, hãy chọn “34” và đợi thông báo xác nhận vật dụng. Khi hệ thống tìm được hàng sẽ đọc lại tên sản phẩm, số lượng và hỏi xem có đúng không.

Quan trọng: Vui lòng cho phép hệ thống hoàn thành việc đặt câu hỏi trước khi đưa ra lựa chọn của quý vị.

- Nếu quý vị trả lời “có”, hệ thống sẽ thêm vật dụng vào giỏ hàng của quý vị.
 - Nếu quý vị trả lời “không”, hệ thống sẽ cho phép quý vị thay đổi sản phẩm hoặc số lượng.
5. Khi quý vị chọn xong các vật dụng của mình, quý vị có thể xem lại giỏ hàng hoặc gửi đơn đặt hàng.
 - Nếu quý vị gửi đơn hàng ngay, hệ thống sẽ cung cấp mã số xác nhận và ngắt cuộc gọi.
 - Nếu quý vị xem lại đơn đặt hàng, hệ thống sẽ cho phép quý vị chỉnh sửa các vật dụng, bắt đầu lại, gửi đơn đặt hàng hoặc trao đổi với đại lý (các ngày trong tuần từ 9 giờ sáng đến 8 giờ tối theo giờ Thái Bình Dương).

Lưu ý: Nếu quý vị chọn trao đổi với một đại lý, các vật dụng của quý vị sẽ không được lưu lại. Quý vị sẽ phải bắt đầu đặt lại đơn đặt hàng.

Thông qua hệ thống IVR, quý vị cũng có thể theo dõi đơn hàng của mình hoặc yêu cầu một danh mục.

Chính sách đổi trả

Do tính chất cá nhân của sản phẩm, không cho phép trả lại hoặc đổi sản phẩm. Nếu quý vị nhận được một vật dụng bị lỗi hoặc bị hư, vui lòng gọi cho OTC Health Solutions trong vòng 30 ngày kể từ ngày quý vị đặt mua. Nếu vật dụng của quý vị không có hàng, quý vị có thể được gửi một vật dụng có giá trị tương tự hoặc cao hơn thay vào đó.

Các câu hỏi thường gặp (Frequently asked questions - FAQ)

Tôi có thể tìm số ID hội viên của mình ở đâu?

Quý vị có thể tìm thấy số ID hội viên của mình ở mặt trước của thẻ ID hội viên chương trình bảo hiểm y tế của quý vị.

Quyền lợi vật dụng OTC là gì?

Quyền lợi vật dụng OTC cung cấp cho quý vị một cách dễ dàng để đặt hàng các sản phẩm sức khỏe và khỏe mạnh là thuốc gốc, không cần kê toa qua điện thoại theo số **(888) 628-2770 (TTY: 711)** hoặc trực tuyến tại **blueshieldca.com/promise/CMCOTC**. Quý vị chọn từ danh sách các vật dụng OTC được chấp thuận và OTC Health Solutions sẽ gửi trực tiếp qua đường bưu điện đến địa chỉ nhà của quý vị. Điều này không chỉ thuận tiện, mà còn giúp quý vị giảm chi phí tự trả cho các vật dụng OTC bằng cách sử dụng số tiền trợ cấp theo quyền lợi của quý vị.

Quyền lợi vật dụng OTC của tôi có giá trị là bao nhiêu?

Số tiền trợ cấp theo quyền lợi tùy thuộc vào chương trình Blue Shield Promise của quý vị. Kiểm tra tài liệu chương trình của quý vị hoặc gọi cho OTC Health Solutions theo số **(888) 628-2770 (TTY: 711)**.

Tôi có thể sử dụng quyền lợi vật dụng OTC của mình thường xuyên đến mức nào?

Quý vị có thể sử dụng quyền lợi vật dụng OTC của mình tối đa hai lần mỗi quý với mức số tiền tối đa là số tiền trợ cấp theo quyền lợi của quý vị. Nếu quý vị gửi nhiều hơn hai đơn đặt hàng mỗi quý, quý vị sẽ vượt quá trợ cấp theo quyền lợi của mình. Thời hạn thụ hưởng quyền lợi hàng quý là:

- Quý 1 (tháng 1, tháng 2 và tháng 3)
- Quý 2 (tháng 4, tháng 5 và tháng 6)
- Quý 3 (tháng 7, tháng 8 và tháng 9)
- Quý 4 (tháng 10, tháng 11 và tháng 12)

Tôi có thể chuyển số tiền trợ cấp theo quyền lợi chưa sử dụng sang thời hạn thụ hưởng quyền lợi tiếp theo không?

Các khoản tiền trợ cấp theo quyền lợi chưa sử dụng sẽ không chuyển sang quý tiếp theo.

Tôi có thể đặt hàng nhiều hơn số tiền theo quyền lợi của mình (cả số lượng đơn hàng và số tiền trợ cấp) không?

Tổng đơn đặt hàng của quý vị không được vượt quá số tiền theo quyền lợi của quý vị (số lượng đơn đặt hàng và/hoặc số tiền trợ cấp), và chúng tôi không thể chấp nhận thanh toán để mua các vật dụng vượt quá quyền lợi của quý vị. Nếu đơn đặt hàng của quý vị vượt quá số tiền trợ cấp, chúng tôi không thể xử lý đơn đặt hàng của quý vị.

Mất bao lâu để tôi nhận được đơn đặt hàng của mình?

Quý vị sẽ nhận được các vật dụng của mình trong vòng 14 ngày theo lịch kể từ ngày đặt hàng.

Tôi có thể hủy đơn đặt hàng của mình sau khi đơn hàng đã được đặt không?

Đơn đặt hàng chỉ có thể được hủy trong vòng MỘT GIỜ kể từ khi được đặt.

Làm cách nào để xác nhận đơn hàng của tôi đã được đặt?

Khi đơn hàng đã được đặt, quý vị sẽ nhận được một số xác nhận. Luôn đảm bảo giữ số xác nhận của quý vị.

Tôi có thể theo dõi đơn hàng của mình không?

Quý vị có thể chọn tham gia để nhận thông tin theo dõi qua email hoặc tin nhắn văn bản; chỉ cần tư vấn cho các đại lý khi đặt hàng của quý vị.

FAQ (tiếp)

Làm thế nào tôi có thể nhận được một bản sao khác của danh mục này?

Quý vị sẽ nhận được phiên bản số của danh mục với mọi email/tin nhắn văn bản theo dõi. Quý vị cũng có thể in một bản từ trang web của chương trình.

Tôi có thể biết thêm thông tin về các sản phẩm ở đâu?

Trong danh mục này, quý vị sẽ tìm thấy mã số SKU có thể được sử dụng tại <https://www.cvs.com> để tìm kiếm các hình ảnh sản phẩm và lấy thông tin sản phẩm bổ sung, chẳng hạn như thành phần.

Các vật dụng sẽ được vận chuyển như thế nào?

Các vật dụng được vận chuyển qua USPS đến nhà của quý vị không mất phí. Vui lòng đợi chúng tôi giao hàng trong tối đa 14 ngày theo lịch.

Ghi chú bổ sung:

- **Giới hạn về số lượng:** Không có giới hạn về số lượng các sản phẩm khác nhau mà quý vị có thể đặt hàng. Tuy nhiên, có giới hạn số lượng là chín cho mọi vật dụng bất kỳ, mỗi quý. Một số sản phẩm được chọn có giới hạn đặc biệt và những sản phẩm này được đánh dấu bằng “★” hoặc “■.”
- **Thực phẩm bổ sung:** Để mua một số thực phẩm bổ sung vitamin và khoáng chất, bác sĩ của quý vị phải giới thiệu chúng cho quý vị dành cho một tình trạng được chẩn đoán cụ thể. Chúng được gọi là “các vật dụng mục đích kép” và được đánh dấu “◆.” Vui lòng trao đổi với bác sĩ của quý vị trước khi đặt hàng các loại vật dụng này.
- **Chỉ sử dụng cho cá nhân:** Các sản phẩm trong danh mục này dành cho mục đích sử dụng cá nhân và chỉ được đặt hàng cho hội viên đã đăng ký.

Nếu quý vị không nhận được các vật dụng của mình trong vòng 14 ngày theo lịch kể từ ngày đặt hàng, vui lòng gọi đến số (888) 628-2770 (TTY: 711), thứ Hai đến hết thứ Sáu, 9 giờ sáng đến 8 giờ chiều theo giờ Thái Bình Dương.

Dịch vụ chăm sóc dành cho người trưởng thành



MÃ	SKU	SẢN PHẨM	SO VỚI	SỐ LƯỢNG	GIÁ
I70	830476	Quần lót phụ nữ Max kích thước vừa/nhỏ	Depend	36 CT	19\$
I71	830475	Quần lót phụ nữ Max kích thước lớn	Depend	32 CT	19\$
I72	830474	Quần lót phụ nữ Max kích thước XL	Depend	28 CT	19\$
I73	830473	Quần lót nam Max kích thước vừa/nhỏ	Depend	36 CT	19\$
I75	842939	Quần lót nam Max kích thước L/XL	Depend	32 CT	19\$
I76	163094	Quần lót bó sát Max kích thước siêu lớn phù hợp cho cả hai giới	Depend	14 CT	12\$
I77	641431	Quần lót bó sát Max kích thước lớn phù hợp cho cả hai giới	Depend	16 CT	12\$
I78	240487	Băng vệ sinh phụ nữ kích thước vừa	Poise	20 CT	5\$
I79	964701	Băng vệ sinh phụ nữ kiểm soát ban đêm	Tena Serenity	30 CT	12\$
I80	520577	Khăn ướt dành cho người trưởng thành	Không so sánh được	48 CT	\$8
I83	383703	Quần lót ban đêm kích thước XL phù hợp cho cả hai giới	Depend	12 CT	13\$
I84	383182	Quần lót ban đêm kích thước L phù hợp cho cả hai giới	Depend	14 CT	13\$
I86	512509	Miếng lót giường kích thước XL 23"x36"	Không so sánh được	18 CT	9\$
I87	795728	Băng vệ sinh kiểm soát đại tiện dành cho phụ nữ, loại dài	Poise	27 CT	12\$
I88	163093	Băng vệ sinh kiểm soát đại tiện dành cho nam giới	Poise	52 CT	12\$

Dị ứng



MÃ	SKU	SẢN PHẨM	SO VỚI	SỐ LƯỢNG	GIÁ
A2	477066	Viên nén giảm dị ứng	Benadryl	24 CT	4\$
A3	444238	Viên nén Cetirizine 10mg	Zyrtec	30 CT	14\$
A5	232642	Thuốc Loratadine 10mg, 24 giờ thường xuyên	Claritin	30 CT	15\$
A6	847260	Viên nén Fexofenadine 180mg	Allegra	30 CT	14\$
A10	232641	Thuốc Loratadine 10mg	Claritin	10 CT	\$8
A11	389345	Thuốc giảm dị ứng Levocetirizine	Xyzal	35 CT	16\$
A16	583518	Viên nén Loratadine 10mg	Claritin	365 CT	\$40
A53	444236	Viên nén Cetirizine dị ứng 10mg	Zyrtec	14 CT	11\$
A59	238246	Thuốc xịt mũi Fluticasone	Flonase	0,34 OZ	13\$

Danh sách các vật dụng có thể thay đổi. Quý vị sẽ nhận được thuốc gốc tương đương của tất cả các vật dụng.

Cập nhật lần cuối vào tháng 10 năm 2021



Các phương thức chữa cảm lạnh

MÃ	SKU	SẢN PHẨM	SO VỚI	SỐ LƯỢNG	GIÁ
C3	895139	Thuốc cảm cúm & đau họng Max	Mucinex Fast-Max	6 OZ	11\$
◆C5	970454	Viên kẹo dẻo dành cho người trưởng thành AirShield	Không so sánh được	42 CT	10\$
C7	587618	Dầu bôi ẩm ngực có thuốc	Vicks Vaporub	3,5 OZ	6\$
■C8	155912	Nhiệt kế điện tử	Không so sánh được	1 CT	\$8
◆C9	381791	Gói đôi cam AirShield	Airborne	20 CT	10\$
C11	707032	Viên ngậm trị đau họng	Cepacol	18 CT	4\$
C12	971824	Tussin CF	Robitussin CF	4 OZ	6\$
C13	707516	Tussin DM	Robitussin DM	4 OZ	6\$
◆C15	889580	Viên nhai dâu AirShield	Airborne	32 CT	6\$
C16	297625	Viên nén thông mũi	Sudafed PE	18 CT	4\$
C19	297885	Thuốc giảm tắc ngực 400mg	Humibid e	60 CT	9\$
C21	164183	Thuốc sương không nhỏ mũi	Afrin	1 OZ	6\$
■C22	202227	Nhiệt kế đo thái dương Micro	Không so sánh được	1 CT	23\$
■C23	834800	Nhiệt kế đo thái dương	Không so sánh được	1 CT	38\$
C24	890425	Viên nang mềm chữa cảm/cúm ban ngày	Vicks Dayquil	16 CT	6\$
C25	465804	Thuốc tan trị cảm lạnh vị cam quýt	Zicam	25 CT	9\$
C26	954407	Thuốc giảm chứng cảm lạnh & cúm ban đêm nghiêm trọng vị dâu	NyQuil	8 OZ	7\$
C29	159734	Ống hít thông mũi	Không so sánh được	0,07 OZ	5\$
C31	972801	Viên ngậm trị đau họng & ho vị dâu lẩn	Cepacol	18 CT	4\$
C33	173270	Mucus ER DM Max Strength	Mucinex	14 CT	13\$
C34	277898	Dầu bôi ẩm ngực có thuốc	Vicks Vaporub	1,76 OZ	4\$
C36	277790	Thuốc xịt mũi dạng nước muối 2 gói đôi	Ocean	1,5 OZ	5\$
C40	477060	Tussin DM không đường	Robitussin DM	8 OZ	7\$
C41	688783	Thuốc trị cảm lạnh không đường	Zicam	25 CT	10\$
C42	853587	Thuốc trị cảm lạnh đau họng	Không so sánh được	0,07 OZ	18\$
C52	891465	Thuốc xịt mũi dạng nước muối	Ocean	1,5 OZ	4\$
C54	890411	Viên nang mềm trị cảm/cúm ban đêm	Vicks Nyquil	16 CT	6\$
C56	408566	Thuốc xoang Acetaminophen	Tylenol Sinus Headache (Ngày)	24 CT	6\$
C57	316620	Thuốc xịt trị đau họng	Chloraseptic	6 OZ	4\$
C60	244956	Thuốc ho và thuốc cảm HBP	Coricidin	16 CT	7\$
C64	320711	Viên nén hương cam AirShield	Emergen-C	10 CT	6\$
C66	858828	Thuốc sương dùng qua đường mũi	Afrin	0,5 OZ	7\$

◆ Vật dụng mục đích kép.

■ Giới hạn ở một (1) cho mỗi thời hạn thụ hưởng quyền lợi.

Danh sách các vật dụng có thể thay đổi. Quý vị sẽ nhận được thuốc gốc tương đương của tất cả các vật dụng.

Cập nhật lần cuối vào tháng 10 năm 2021

Sức khỏe tiêu hóa



MÃ	SKU	SẢN PHẨM	SỐ VỚI	SỐ LƯỢNG	GIÁ
D2	310425	Thuốc làm mềm phân	Colace	100 CT	12\$
D4	206805	Viên nang mềm giảm khí E/S	Gas X E/S	30 CT	5\$
D5	878020	Viên nang BeanAid	Beano	30 CT	5\$
D6	108530	Thuốc đạn Glycerin dành cho người trưởng thành	Fleet Glycerin	25 CT	3\$
D8	860849	Viên nén giảm ợ nóng	Gaviscon	100 CT	\$8
D9	451300	Viên nén Omeprazole	Không so sánh được	14 CT	10\$
D10	958326	Thuốc xơ hàng ngày SF	Metamucil	10 OZ	9\$
D11	348639	Viên nén nhuận tràng Bisacodyl	Dulcolax	25 CT	6\$
D12	672550	Viên nén chống tiêu chảy	Imodium A-D	12 CT	6\$
D13	703368	Viên nén nhai được Pink Bismuth	Pepto-Bismol	30 CT	5\$
D14	690256	Viên nén kiểm soát axit	Pepcid AC	30 CT	7\$
D15	139139	Viên nén trị say xe	Không so sánh được	12 CT	6\$
D16	690260	Easy Fiber	Benefiber	8,6 OZ	13\$
D17	252794	Viên nang xơ	Metamucil	160 CT	12\$
D18	272722	Viên nang Esomeprazole Magnesium	Nexium	42 CT	24\$
D19	919055	Thuốc trợ sinh dành cho người trưởng thành 4 chủng	Culturelle	30 CT	16\$
D20	689598	Viên nén giảm đau dạ dày	Pepto-Bismol	24 CT	3\$
D21	401472	Khăn vệ sinh chữa bệnh trĩ có tẩm thuốc	Preparation H	48 CT	6\$
D22	961468	Thuốc đạn trị bệnh trĩ	Preparation H	12 CT	6\$
D23	144212	Thuốc mỡ trị bệnh trĩ	Preparation H	2 OZ	9\$
D24	494222	Sữa magie oxit	Phillips'	12 OZ	6\$
D25	480996	Thuốc đạn nhuận tràng Bisacodyl	Dulcolax	4 CT	6\$
D26	452277	Kem thoa trị bệnh trĩ	Preparation H	1,8 OZ	11\$
D27	689614	Thuốc làm mềm phân	Phillips'	30 CT	4\$
D30	451305	Viên nén Omeprazole	Prilosec	42 CT	\$20
D31	267635	Dairy Relief	Lactaid	60 CT	13\$
D40	836320	Viên nén Antacid Calcium ES	Tums E-X	96 CT	5\$
D45	883948	Thuốc trợ sinh dành cho người trưởng thành 9 chủng	Không so sánh được	15 CT	14\$
D46	272739	Viên nén Esomeprazole Magnesium	Nexium	14 CT	10\$
D47	883055	Viên nang Lansoprazole 15mg	Không so sánh được	14 CT	10\$
D49	713639	Bột Purelax	MiraLAX	8,3 OZ	11\$

Danh sách các vật dụng có thể thay đổi. Quý vị sẽ nhận được thuốc gốc tương đương của tất cả các vật dụng.

Cập nhật lần cuối vào tháng 10 năm 2021

Dịch vụ chăm sóc tai và mắt



MÃ	SKU	SẢN PHẨM	SO VỚI	SỐ LƯỢNG	GIÁ
E7	110973	Thuốc nhỏ loại bỏ ráy tai	Debrox	0,5 OZ	4\$
E8	941579	Bộ dụng cụ chăm sóc ráy tai	Không so sánh được	1 CT	10\$
E14	171322	Nước mắt nhân tạo	Không so sánh được	1 OZ	9\$
E17	337097	Nước rửa mắt	Không so sánh được	4 OZ	6\$
E18	695753	Dung dịch dùng cho kính áp tròng	Không so sánh được	4 OZ	5\$
E19	976354	50+ Vitamin chăm sóc mắt	Ocuvite	90 CT	\$20
E20	457496	Dung dịch nhỏ tai dành cho người bơi	Swim-Ear	1 OZ	4\$
E21	973866	Bộ dụng cụ làm sạch ráy tai	Debrox	BỘ DỤNG CỤ	\$8

Chăm sóc phụ nữ



MÃ	SKU	SẢN PHẨM	SO VỚI	SỐ LƯỢNG	GIÁ
G5	167765	Dung dịch vệ sinh phụ nữ	Không so sánh được	12 OZ	7\$
G6	234554	Viên nén giảm đau đường tiết niệu	Azo	30 CT	6\$
G9	721062	Kem thoa và thuốc chèn âm đạo Miconazole	Monistat	1 CT	13\$
G30	333336	Kem thoa âm đạo Miconazole 7 ngày	Monistat	7 CT	10\$
G40	842800	Băng vệ sinh Maxi ban đêm	Maxi	36 CT	\$8
G41	289061	Khăn làm sạch không chứa chất tạo mùi dành cho phụ nữ	Không so sánh được	32 CT	5\$

Vật liệu sơ cứu



MÃ	SKU	SẢN PHẨM	SO VỚI	SỐ LƯỢNG	GIÁ
F3	875957	Băng gạc kháng khuẩn	Không so sánh được	20 CT	4\$
F4	109405	Kem thoa Calamine	Caladryl	6 OZ	6\$
F6	322430	Thuốc kháng sinh ba lớp & thuốc mỡ giảm đau	Neosporin	0,5 OZ	4\$
F8	618348	Thuốc mỡ kháng sinh ba lớp, giảm đau & liền sẹo	Neosporin	0,5 OZ	7\$
F9	383505	Băng gạc làm sạch	Không so sánh được	45 CT	4\$
F11	550749	Kem chống ngứa	Benadryl	1 OZ	5\$

Danh sách các vật dụng có thể thay đổi. Quý vị sẽ nhận được thuốc gốc tương đương của tất cả các vật dụng.

Cập nhật lần cuối vào tháng 10 năm 2021

Vật liệu sơ cứu



MÃ	SKU	SẢN PHẨM	SO VỚI	SỐ LƯỢNG	GIÁ
F13	955322	Thuốc xịt Calamine Plus	Caladryl	4,1 OZ	\$8
F14	875952	Băng gạc quần tay Flex Fabric AB	Không so sánh được	20 CT	4\$
F15	241483	Phân loại băng gạc kháng khuẩn	Band-Aid	120 CT	12\$
F16	488598	Phân loại băng gạc gói giá trị	Không so sánh được	200 CT	10\$
F17	894077	Miếng dán vết thương trong suốt	Không so sánh được	8 CT	7\$
F18	832864	Dụng cụ lột mụn cóc lạnh	Không so sánh được	BỘ DỤNG CỤ	15\$
F19	330703	Gel trị bỏng Lidocaine	Solarcaine	8 OZ	6\$
F20	717967	Băng gạc dính dành cho da nhạy cảm	Không so sánh được	20 CT	5\$
F21	602441	Iodine	Không so sánh được	1 OZ	4\$
F22	311533	Merthiolate	Không so sánh được	2 OZ	5\$
F23	405572	Bộ dụng cụ sơ cứu	Không so sánh được	1 CT	6\$
F28	270304	Miếng gạc dán trong suốt lớn chống thấm	Nexcare	4 CT	14\$
F31	864765	Chất tẩy rửa sát trùng da	Hibiclens	8 OZ	10\$
F32	482649	Muối Epsom	Không so sánh được	22 OZ	5\$
F33	351170	Thuốc loại bỏ mụn cóc	Compound W	0,5 OZ	\$8
F38	270351	Miếng gạc dán trong suốt phân loại chống thấm	Nexcare	10 CT	9\$
F39	998839	Bộ dụng cụ chăm sóc vết thương S/M	Không so sánh được	30 PC	15\$
F40	489905	Khẩu trang y tế	Không so sánh được	25 CT	15\$
F41	360094	Khẩu trang y tế nhỏ	Không so sánh được	20 CT	12\$
F45	219642	Thuốc mỡ oxit kẽm	Không so sánh được	1 OZ	4\$
F47	337274	Bộ dụng cụ cứu thương ngón tay	Không so sánh được	BỘ DỤNG CỤ	7\$
F48	444797	Khăn làm sạch có cồn	Không so sánh được	40 CT	6\$
F49	946095	Thuốc xịt Witch Hazel	T.N Dickinson's	6 OZ	7\$
F50	935683	Miếng vải gạc thấm không dính 2x3	Không so sánh được	25 CT	6\$
F51	893121	Miếng vải gạc thấm 4x4	Không so sánh được	25 CT	7\$
F52	893120	Miếng vải gạc thấm 3x3	Không so sánh được	25 CT	6\$
F53	894104	Cuộn gạc 4" 2 thước Anh	Không so sánh được	1 CT	4\$
F62	964606	Băng sơ cứu	Không so sánh được	1 CT	2\$
F68	531343	Sáp dưỡng ẩm	Vaseline	2,5 OZ	3\$
F69	259370	Miếng dán vết cắt hình cánh bướm	Không so sánh được	12 CT	3\$
F73	373092	Thuốc mỡ Hydrocortisone 1%	Cortisone	1 OZ	5\$
F74	219634	Bacitracin	Không so sánh được	1 OZ	7\$

Danh sách các vật dụng có thể thay đổi. Quý vị sẽ nhận được thuốc gốc tương đương của tất cả các vật dụng.

Cập nhật lần cuối vào tháng 10 năm 2021



Dịch vụ chăm sóc bàn chân

MÃ	SKU	SẢN PHẨM	SO VỚI	SỐ LƯỢNG	GIÁ
T2	521682	Kem chống nấm Tolnaftate	Kem Tinactin	1 OZ	\$8
T3	211003	Kem Clotrimazole, USP 1%	Lotrimin	0,5 OZ	7\$
T4	334566	Thuốc bột dạng xịt kiểm soát mùi hôi	Odor-Eaters	4 OZ	6\$
T5	894580	Băng gạc dán vải moleskin	Dr. Scholl's	2 CT	4\$
T9	314468	Miếng dán trị vết chai chân có tẩm thuốc	Không so sánh được	9 CT	2\$
T13	658784	Tất bó dài nhẹ màu trắng L/XL	Không so sánh được	1 ĐÔI	10\$
T14	658829	Tất bó dài nhẹ màu trắng S/M	Không so sánh được	1 ĐÔI	10\$
T15	978348	Tất bó dài nhẹ màu đen L/XL	Không so sánh được	1 ĐÔI	10\$
T16	978349	Tất bó dài nhẹ màu đen S/M	Không so sánh được	1 ĐÔI	10\$
T17	184626	Tất không bó màu trắng S/M	Không so sánh được	3 ĐÔI	10\$
T18	184730	Tất không bó màu đen L/XL	Không so sánh được	3 ĐÔI	10\$
T19	184812	Tất không bó màu trắng L/XL	Không so sánh được	3 ĐÔI	10\$
T20	184935	Tất không bó màu đen S/M	Không so sánh được	3 ĐÔI	10\$
T35	139231	Thuốc loại bỏ cục chai chân dạng lỏng	Dr. Scholl's	0,5 OZ	6\$
T36	893272	Tất trị bệnh tiểu đường S/M	Không so sánh được	2 ĐÔI	9\$
T37	893270	Tất trị bệnh tiểu đường L/XL	Không so sánh được	2 ĐÔI	9\$
T38	658593	Tất da mỏng màu đen S/M	Không so sánh được	1 ĐÔI	12\$
T39	658582	Tất da mỏng màu đen L/XL	Không so sánh được	1 ĐÔI	12\$
T40	229790	Bột điều trị bàn chân	Gold Bond	10 OZ	9\$

Chẩn đoán tại nhà



MÃ	SKU	SẢN PHẨM	SO VỚI	SỐ LƯỢNG	GIÁ
H20	149650	Viên nén Glucose nhai được	Không so sánh được	10 CT	2\$
H21	149647	Viên nén Glucose vị cam	Không so sánh được	50 CT	6\$
H22	149616	Viên nén Glucose vị quả mâm xôi	Không so sánh được	50 CT	6\$
◆H25	235157	Lưỡi trích siêu mỏng, Khổ 30	Không so sánh được	100 CT	4\$
◆H26	149668	Lưỡi trích mỏng, Khổ 26	Không so sánh được	100 CT	4\$
◆H27	343477	Thiết bị thử đường huyết	Không so sánh được	1 CT	6\$
◆H71★	708884	Thiết bị đo huyết áp tay tự động BP 8.7" x 16.5"	Không so sánh được	1 CT	\$40
◆H72★	800232	Thiết bị đo huyết áp tay thủ công BP 8.7" x 12.6"	Không so sánh được	1 CT	18\$
◆H73★	800824	Máy đo huyết áp cổ tay tự động	Không so sánh được	1 CT	52\$
◆H74★	800231	Máy đo huyết áp tự động tiên tiến	Không so sánh được	1 CT	52\$
◆H75★	800230	Máy đo huyết áp khuỷu tay cao cấp	Không so sánh được	1 CT	70\$
◆H76★	800229	Máy đo huyết áp khuỷu tay cao cấp kèm băng đo	Không so sánh được	1 CT	\$90
◆H77★	814854	Máy đo xung và nồng độ oxy trong máu	Không so sánh được	1 CT	\$40



Chăm sóc sức khỏe tại nhà

MÃ	SKU	SẢN PHẨM	SO VỚI	SỐ LƯỢNG	GIÁ
J1	861900	Thảm phòng tắm y tế	Không so sánh được	1 CT	17\$
J2	792495	Thanh vịn nhà tắm bám hút	Không so sánh được	1 CT	10\$
J4	741739	Kẹp gấp đồ vật	Không so sánh được	1 CT	22\$
■J5	741741	Ghế ngồi bồn cầu có thể nâng lên 4"	Không so sánh được	1 CT	45\$
■J6	741727	Gậy bốn chân màu đen	Không so sánh được	1 CT	26\$
J8	980705	Chân đế đen 3/4	Không so sánh được	1 CT	4\$

- ◆ Vật dụng mục đích kép.
- ★ Giới hạn ở một (1) mỗi năm.
- Giới hạn ở một (1) cho mỗi thời hạn thụ hưởng quyền lợi.

Danh sách các vật dụng có thể thay đổi. Quý vị sẽ nhận được thuốc gốc tương đương của tất cả các vật dụng.

Cập nhật lần cuối vào tháng 10 năm 2021

Khác



MÃ	SKU	SẢN PHẨM	SO VỚI	SỐ LƯỢNG	GIÁ
M10	186739	Pin máy trợ thính 312	Không so sánh được	8 GÓI	\$8
M13	186733	Pin máy trợ thính 13	Không so sánh được	8 GÓI	\$8
M49	460696	Dụng cụ cắt viên nén	Không so sánh được	1 CT	7\$
M51	715123	Hộp thuốc 7 ngày	Không so sánh được	1 CT	2\$
M75	135615	Thuốc chống muỗi với 30% DEET	OFF!	6 OZ	7\$
◆M77★	864739	Cân sàn điện tử	Không so sánh được	1 CT	13\$

Chăm sóc miệng



MÃ	SKU	SẢN PHẨM	SO VỚI	SỐ LƯỢNG	GIÁ
O6	307117	Kem đánh răng nhạy cảm siêu làm trắng	Sensodyne	4 OZ	4\$
O7	808698	Bàn chải đánh răng Pro Clean Power có Đầu thay thế	Không so sánh được	1 CT	9\$
O8	978931	Chỉ nha khoa	Không so sánh được	90 CT	3\$
O9	469085	Chỉ nha khoa siêu thoải mái bạc hà 43.7 thước Anh	Oral-B Glide	1 CT	3\$
O10	230196	Keo dính răng giả	Fixodent	2,4 OZ	4\$
O12	910693	Bàn chải đánh răng (Mềm)	Colgate	1 CT	1\$
O13	933844	Chỉ nha khoa siêu thoải mái bạc hà 43.7 thước Anh	Oral-B Glide	2 GÓI	6\$
O14	122340	Viên nén làm sạch răng giả dạng sỏi bột	Polident	84 CT	5\$
O15	933823	Bàn chải kẽ răng khoảng cách nhỏ	KẸO GÔM	16 CT	5\$
O16	572131	Bàn chải lưỡi	Không so sánh được	2 CT	6\$
O17	902457	Miếng bảo vệ răng chống ngáy ban đêm	Không so sánh được	2 CT	\$20
O18	809800	Miếng bảo vệ chống ngáy hàm dưới	Không so sánh được	2 CT	\$30
O19	956360	Bàn chải đánh răng Clear Pro (Dạng vừa)	Không so sánh được	3 CT	3\$
O20	897755	Bàn chải đánh răng dạng vừa	Không so sánh được	2 CT	5\$
O21	377971	Tăm mềm Tri Clean	KẸO GÔM	60 CT	6\$
O23	378381	Đầu bàn chải thay thế Smilesonic	Không so sánh được	2 CT	32\$

◆ Vật dụng mục đích kép.

★ Giới hạn ở một (1) mỗi năm.

Danh sách các vật dụng có thể thay đổi. Quý vị sẽ nhận được thuốc gốc tương đương của tất cả các vật dụng.

Cập nhật lần cuối vào tháng 10 năm 2021

Chăm sóc miệng



MÃ	SKU	SẢN PHẨM	SỐ VỚI	SỐ LƯỢNG	GIÁ
O24	454376	Chỉ nha khoa bạc hà	Không so sánh được	90 CT	3\$
O25	695108	Sữa chữa trám và mảo răng tạm mất	Không so sánh được	1 CT	4\$
O26	341166	Đầu bàn chải thay thế EasyFlex	Không so sánh được	3 GÓI	19\$
O29	378314	Hệ thống nước làm sạch kẽ răng	Không so sánh được	1 CT	55\$
O31	227508	Tăm kẽ siêu nhỏ	Không so sánh được	32 CT	6\$
O36	485907	Kem đánh răng làm trắng Sensodyne Pro Namel	Không so sánh được	4 OZ	\$8
O37	705527	Kem đánh răng làm trắng Crest	Không so sánh được	5,8 OZ	4\$
O39	357891	Nắp bảo vệ đầu bàn chải đánh răng	Không so sánh được	2 CT	7\$
O46	873493	Thuốc xịt miệng dạng khô	Biotene	1,5 OZ	7\$
O52	933834	Thuốc giảm đau răng miệng	Anbesol Gel	0,33 OZ	6\$
O71	454381	Chỉ nha khoa	Không so sánh được	90 CT	3\$
O72	368775	Kem đánh răng nhạy cảm	Sensodyne	3,4 OZ	4\$
O73	213330	Viên nén làm sạch răng dạng sỏi	Efferdent	40 CT	3\$
■O74	422345	Bàn chải đánh răng sạc điện EasyFlex Pro	Không so sánh được	1 CT	45\$
O75	415475	Đầu bàn chải thay thế	Không so sánh được	5 CT	\$25

Thuốc giảm đau



MÃ	SKU	SẢN PHẨM	SỐ VỚI	SỐ LƯỢNG	GIÁ
P1	371948	Ibuprofen 200mg	Advil	50 CT	4\$
P2	200964	Kem xoa bóp cơ	Bengay	3 OZ	7\$
P4	230268	Enteric Aspirin 81mg	Bayer Low Dose	120 CT	5\$
P5	215314	Miếng đệm sưởi ấm siêu dài	Không so sánh được	1 CT	33\$
P6	371914	Acetaminophen 500mg	Tylenol E/S	100 CT	7\$
P7	844209	Túi chườm đá cỡ lớn	Không so sánh được	1 CT	13\$
P8	547802	Viên nhai Aspirin 81mg	Viên nhai Bayer Low Dose	36 CT	2\$
P14	957604	Miếng dán nóng/lạnh	Miếng dán có tẩm thuốc Icy Hot	5 CT	6\$
■P15	215313	Miếng đệm sưởi ấm tiêu chuẩn	Không so sánh được	1 CT	22\$
P16	371271	Miếng dán Lidocaine	Salonpas	6 CT	11\$

■ Giới hạn ở một (1) cho mỗi thời hạn thụ hưởng quyền lợi.

Danh sách các vật dụng có thể thay đổi. Quý vị sẽ nhận được thuốc gốc tương đương của tất cả các vật dụng.

Cập nhật lần cuối vào tháng 10 năm 2021

Thuốc giảm đau



MÃ	SKU	SẢN PHẨM	SỐ VỚI	SỐ LƯỢNG	GIÁ
P17	109017	Viên nén con nhộng giảm đau đầu	Excedrin E/S	100 CT	9\$
P18	695905	Kem giảm đau nóng & lạnh	Icy Hot	3 OZ	6\$
P19	299470	Naproxen 220mg	Aleve	24 CT	4\$
P21	444770	Miếng dán nhiệt có tẩm thuốc	Salonpas	1 CT	2\$
P22	152116	Ống trợ đầu gối L	Không so sánh được	1 CT	12\$
P23	902106	Băng cuốn trợ cổ tay	Không so sánh được	1 CT	9\$
P24	151571	Ống trợ mắt cá chân L	Không so sánh được	1 CT	11\$
P25	453866	Băng nén trợ khuỷu tay L	Không so sánh được	1 CT	15\$
P26	977934	Kem Lidocaine	Aspercreme	2,7 OZ	7\$
■P28	459974	Liệu pháp giảm đau cơ có mục tiêu TENS	Không so sánh được	1 CT	58\$
P29	459917	Miếng dán thay thế TENS	Không so sánh được	4 CT	15\$
P30	942453	Tất da dài đến đầu gối nén vừa L	Không so sánh được	1 ĐÔI	\$20
P31	342829	Tất da dài đến đầu gối nén vừa M	Không so sánh được	1 ĐÔI	\$20
P32	524660	Tất dài đến dưới đầu gối chống tắc mạch L	Không so sánh được	1 ĐÔI	35\$
P33	524694	Tất dài đến dưới đầu gối chống tắc mạch M	Không so sánh được	1 ĐÔI	35\$
P34	318180	Miếng chườm đa năng nóng/lạnh	Không so sánh được	1 CT	11\$
P35	340744	Viên nén giảm đau cơ & lưng Naproxen	Aleve	24 CT	4\$
P36	324111	Gối chườm đá có thể tái sử dụng	Không so sánh được	1 CT	6\$
P37	185226	Viên nén con nhộng giảm đau nửa đầu	Excedrin	24 CT	4\$
P38	864199	Viên nang mềm hỗ trợ giấc ngủ 50mg	Unisom	32 CT	6\$
P39	933380	Thuốc lỏng hỗ trợ giấc ngủ	ZzzQuil	6 OZ	5\$
P41	475817	Viên nén con nhộng Ibuprofen PM	Advil PM	20 CT	5\$
P42	317581	Viên nén mềm tan nhanh Acetaminophen 500mg	Tylenol	100 CT	9\$
P43	879536	Viên nén con nhộng Acetaminophen 500mg	Tylenol	225 CT	13\$
P46	738694	Thuốc giảm đau đường tiết niệu Max Strength	Azo	12 CT	6\$
P47	923748	Viên nén Ibuprofen 200mg	Advil	500 CT	18\$
P48	306397	Viên nang mềm Ibuprofen 200mg	Advil Liqui-Gels	80 CT	\$8
P49	263652	Viên nén con nhộng Naproxen Sodium 220mg	Aleve	100 CT	\$8
P50	456231	Thuốc giảm đau kỳ kinh nguyệt Max	Midol Complete	24 CT	6\$
P51	140897	Aspirin tan trong ruột 325mg	Ecotrin	125 CT	\$8
P52	729759	Băng gác đàn hồi 6"	Không so sánh được	1 CT	\$8

■ Giới hạn ở một (1) cho mỗi thời hạn thụ hưởng quyền lợi.

Danh sách các vật dụng có thể thay đổi. Quý vị sẽ nhận được thuốc gốc tương đương của tất cả các vật dụng.

Cập nhật lần cuối vào tháng 10 năm 2021

Thuốc giảm đau



MÃ	SKU	SẢN PHẨM	SO VỚI	SỐ LƯỢNG	GIÁ
P53	124886	Viên nén con nhộng Acetaminophen PM 500mg	Tylenol PM	100 CT	9\$
P54	193588	Thuốc giảm đau viêm khớp 650mg	Tylenol Arthritis	100 CT	10\$
P55	472994	Ống trợ đầu gối S	Không so sánh được	1 CT	12\$
P56	151894	Ống trợ đầu gối M	Không so sánh được	1 CT	12\$
P57	482556	Ống trợ đầu gối XL	Không so sánh được	1 CT	12\$
P58	245414	Viên nén con nhộng Acetaminophen PM 500mg	Tylenol PM	24 CT	5\$
P66	155756	Hỗ trợ giấc ngủ	Simply Sleep	24 CT	4\$
P68	126623	Aspirin liều thấp 81mg, Viên nén bao phim	Bayer Low Dose Aspirin	300 CT	11\$
P69	441099	Gel giảm đau	Không so sánh được	3,5 OZ	17\$
P70	256563	Thuốc giảm đau Lidocaine dạng lăn	Không so sánh được	2,5 OZ	\$8



Chăm sóc cá nhân

MÃ	SKU	SẢN PHẨM	SO VỚI	SỐ LƯỢNG	GIÁ
S2	985326	Aftersun Aloe Vera, Green Gel	Không so sánh được	20 OZ	6\$
S3	447703	Kem thoa da trị liệu	Gold Bond	5,5 OZ	6\$
S4	428504	Kem trị mụn 10%	Clearasil Daily Clear	1 OZ	5\$
S6	478041	Kem chống nắng Sheer Dry SPF 55	Không so sánh được	3 OZ	\$8
S7	992500	Thuốc giảm Eczema	Eucerin Eczema	8 OZ	9\$
S8	246784	Gel trị sẹo	Không so sánh được	1,76 OZ	\$20
S10	193503	Kem dưỡng da khô trị bệnh tiểu đường Gold Bond	Không so sánh được	4,5 OZ	9\$
S12	478059	Kem chống nắng xịt liên tục dành cho thể thao SPF 50	Kem xịt liên tục Coppertone	5,5 OZ	9\$
S13	822572	Kem chống nắng xịt liên tục dành cho thể thao SPF 100	Kem xịt liên tục Coppertone	5,5 OZ	9\$
S14	147708	Khăn làm sạch kháng khuẩn, Hộp đựng khăn làm sạch để trên xe	Không so sánh được	40 CT	3\$
S15	985843	Khăn làm sạch kháng khuẩn có thể đóng lại	Không so sánh được	20 CT	2\$
S23	799023	Nước rửa tay	Không so sánh được	2 OZ	2\$
S34	227230	Bột điều trị cơ thể có tẩm thuốc	Gold Bond	10 OZ	7\$
S36	843837	Khăn làm sạch có thể giặt được	Không so sánh được	42 CT	4\$
S43	265212	Khăn giấy lau mặt	Không so sánh được	8 GÓI	3\$
S45	697545	Sữa rửa mặt	Clean & Clear	5 OZ	6\$

Danh sách các vật dụng có thể thay đổi. Quý vị sẽ nhận được thuốc gốc tương đương của tất cả các vật dụng.

Cập nhật lần cuối vào tháng 10 năm 2021

Sinh tố và khoáng chất



MÃ	SKU	SẢN PHẨM	SỐ VỚI	SỐ LƯỢNG	GIÁ
◆V5	122869	Coenzyme Q-10 50mg	Không so sánh được	45 CT	12\$
◆V13	247303	Glucosamine Chondroitin Triple Strength	Không so sánh được	120 CT	32\$
◆V16	240515	Viên nang mềm Vitamin E 400 IU	Nature Made	100 CT	13\$
◆V17	300258	Viên nén axit folic 800mcg	Không so sánh được	100 CT	4\$
◆V18	350480	Thuốc bổ trợ sắt 65mg	Không so sánh được	90 CT	6\$
◆V25	252577	Viên nén vitamin tiền sản	Không so sánh được	100 CT	10\$
◆V27	232025	Vitamin C 1000mg	Không so sánh được	200 CT	14\$
◆V28	166595	Viên nhai được C 500mg, hương cam	Không so sánh được	100 CT	9\$
◆V29	378592	Vitamin tổng hợp cho nam giới	Không so sánh được	120 CT	9\$
◆V30	378615	Vitamin tổng hợp cho nữ giới	Không so sánh được	120 CT	9\$
◆V31	711999	Vitamin B12 1000mcg	Không so sánh được	200 CT	10\$
◆V32	346754	Vitamin D3 1000 IU	Nature's Bounty	120 CT	7\$
◆V35	850942	Magiê 500mg	Không so sánh được	100 CT	5\$
◆V36	247239	Kẽm gluconat 50mg	Nature's Bounty	100 CT	5\$
◆V37	717911	Vitamin D3 5000 IU	Không so sánh được	100 CT	14\$
◆V42	710787	Viên nang mềm Vitamin D3 2000 IU	Không so sánh được	100 CT	\$8
◆V43	308785	CoQ-10 100mg	Qunol Ultra CoQ10	60 CT	32\$
◆V48	965747	Viên nang mềm Biotin 10,000mcg	Nature's Bounty	60 CT	12\$
◆V53	870668	Omega-3 Krill Oil 500mg	MegaRed	45 CT	26\$
◆V54	889908	Viên kẹo dẻo canxi 500mg + 800 IU D-3	Caltrate Gummy Bites	50 CT	10\$
◆V55	969314	Gói Vitamin C 1000mg, vị cam	Emergen-C	30 CT	11\$
◆V56	199216	Vitamin A 8,000 IU NAT / 2400mcg	Không so sánh được	100 CT	5\$
◆V59	250191	Kali gluconat 595mg	Nature's Bounty	100 CT	5\$
◆V62	448393	Adult Daily Women's 50+ Adv	One A Day	65 CT	\$8
◆V63	448404	Adult Daily Men's 50+ Adv	One A Day	65 CT	\$8
◆V64	797751	Lutein 40mg	Không so sánh được	30 CT	19\$
◆V65	710800	Viên nang 5-HTP 100mg	Không so sánh được	30 CT	12\$
◆V66	446547	Viên kẹo dẻo miễn dịch AirShield	Airborne Gummies	63 CT	\$20

◆ Vật dụng mục đích kép.

Danh sách các vật dụng có thể thay đổi. Quý vị sẽ nhận được thuốc gốc tương đương của tất cả các vật dụng.

Cập nhật lần cuối vào tháng 10 năm 2021

Sinh tố và khoáng chất



MÃ	SKU	SẢN PHẨM	SO VỚI	SỐ LƯỢNG	GIÁ
◆V69	432062	Viên kẹo dẻo Black Elderberry	Không so sánh được	60 CT	19\$
◆V71	901330	Canxi 600mg + Vitamin D3	Caltrate	120 CT	10\$
◆V72	145626	Phức hợp Super B với Vitamin C	Nature's Bounty	100 CT	10\$
◆V74	452271	Viên nén hỗ trợ mãn kinh	Estroven	28 CT	18\$
◆V76	247321	B-12 1000mcg	Không so sánh được	60 CT	7\$
◆V77	222901	Vitamin C với tầm xuân	Không so sánh được	100 CT	\$8
◆V80	451093	Glucosamine Chondroitin Triple Strength	Không so sánh được	240 CT	66\$
◆V81	357343	Dầu cá 1000mg	Không so sánh được	120 CT	11\$

◆ Vật dụng mục đích kép.

Danh sách các vật dụng có thể thay đổi. Quý vị sẽ nhận được thuốc gốc tương đương của tất cả các vật dụng.

Cập nhật lần cuối vào tháng 10 năm 2021



Promise Health Plan